|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn | 10/12/2023 | 10/12/2023 |
| Lớp | 9C | 9D |
| Tiết | 1 | 4(chiều) |
| Ngày dạy | 21/12/2023 | 19/12/2023 |
| ĐC, BS |  |  |

**TIẾT 31 - BÀI 27 : THỰC HÀNH**

**KINH TẾ BIỂN CỦA BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN**

**HẢI NAM TRUNG BỘ.**

**( *Dạng bài thực hành)***

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Sau bài học bài này, học sinh:

**1. Kiến thức**

- Biết về cơ cấu kinh tế biển ở cả 2 vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ,

-Hiểu hoạt động của các hải cảng, nuôi trồng và đánh bắt thuỷ sản, nghề muối và chế biến thuỷ sản xuất khẩu, du lịch và dịch vụ biển.

-Vận dụng vào thực tế

**2. Kĩ năng**

- Tiếp tục hoàn thiện phương pháp đọc bản đồ, phân tích số liệu thống kê,

**4. Định hướng phát triển các phẩm chất và năng lực**

**a. Các phẩm chất:**

- Yêu quê hương, đất nước

- Có trách nhiệm với môi trường tự nhiên.

**b. Các năng lực:**

- Năng lực chung: tự học, sáng tạo, giao tiếp, , hợp tác, sử dụng công nghệ thông tin, tính toán.

- Năng lực chuyên biệt: tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng số liệu thống kê, sử dụng bản đồ.

**II. CHUẨN BỊ**

\* GV - Bản đồ vùng Bắc Trung Bộ.

- Bản đồ vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

\* HS: - Nội dung bài chuẩn bị trước

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

1. **Khởi động (1')**

GV nêu nội dung bài thực hành

**2. Hình thành kiến thức**

***\* Hoạt động 1***:  ***Thực hành phân tích H24.3, H26.1***

- Mục tiêu: Thực hành bài 1

- PP, KT: Đàm thoại, thảo luận, P2 sử dụng bản đồ.

- Phương tiện: SGK, H24.3, H26.1

- Thời gian: 18 phút

- HTTC: cả lớp, cá nhân, nhóm

- Năng lực:

+ Năng lực chung: tự học, ngôn ngữ, hợp tác, giao tiếp, sáng tạo.

+ Năng lực chuyên biệt: sử dụng bản đồ (mức 1)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS - GV** | **Nội dung kiến thức** |
| - GV hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung bài 1  - GV chia HS thành các nhóm 6 thảo luận 5'  **CH:**  ?Dựa vào H24.3 và H26.1 SGK, xác định trên bản đồ các cảng biển, các băi cá, băi tôm, các cơ sở sản xuất muối, những băi biển có giá trị du lịch nổi tiếng?  ?Nhận xét tiềm năng phát triển kinh tế biển ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ?  - HS thảo luận 5', điền nội dung vào mẫu phiếu học tập  - Đại diện nhóm trình bày trên bản đồ treo tường.  - GV chuẩn xác. | **Bài 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Vùng Bắc Trung Bộ | Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ | | Cảng biển |  |  | | Băi cá, băi tôm |  |  | | Cơ sở sản xuất muối |  |  | | Băi biển du lịch |  |  | | Nhận xét tiềm năng phát triển kinh tế biển |  |  | |

***\* Hoạt động 2***: ***Phân tích bảng số liệu***

- Mục tiêu: Thực hành bài 2

- PP, KT: Đàm thoại, P2 sử dụng bản đồ, động năo.

- Phương tiện: SGK, Bảng 27.1

- Thời gian: 17 phút

- HTTC: cả lớp

- Năng lực:

+ Năng lực chung: tự học, ngôn ngữ, hợp tác, giao tiếp, sáng tạo.

+ Năng lực chuyên biệt: sử dụng số liệu thống kê (mức 1)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS và GV** | **Nội dung kiến thức** |
| - GV hướng dẫn HS phân tích B27.1  **CH**: Đọc bảng 27.1, tính tỉ trọng % nuôi trồng và khai thác. Coi cả 2 vùng là 100%. So sánh?  - HS tính  CH: Vì sao lại có sự chênh lệch đó?  - HS suy nghĩ, giải thích:  + Sản lượng nuôi trồng của Bắc Trung Bộ nhiều hơn nhưng sản lượng khai thác của Bắc Trung Bộ lại ít hơn Duyên hải Nam Trung Bộ  + Do điều kiện tự nhiên lên tiềm năng kinh tế biển của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ lớn hơn Bắc Trung Bộ.  Vùng lại có truyền thống nuôi trồng và đánh bắt thuỷ sản.  - Vùng đất trồi lên trên vùng biển cực Nam Nam Trung Bộ có nguồn hải sản rất phong phú.) | **Bài 2**  - Tiềm năng kinh tế biển của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ lớn hơn Bắc Trung Bộ. |

**3. Hoạt động luyện tập**

- Mục tiêu: Khái quát nội dung kiến thức bài học, phân dạng bài tập

- Thời gian: 5 -8 phút

- HTTC: cá nhân

**CH:** Đánh giá ngành kinh tế biển của vùng BTB và DHNTB?

- HS trình bày:

+ Giống nhau: đều là thế mạnh kinh tế của 2 vùng.

+ Khác: DHNTB có tiềm năng phát triển tổng hợp kinh tế biển hơn BTB.

HS làm bài thực hành trong VBT

**4. Hoạt động vận dụng (1’)**

- Hoàn thiện VBT

- Hướng dẫn tự học: Chuẩn bị bài 23: Vùng Bắc Trung Bộ

- Soạn bài 28: Vùng Tây Nguyên

+ Nêu quy mô vùng, vị trí, ý nghĩa

+ Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên. Đánh giá thuận lợi và khó khăn đối với sự phát triển kinh tế - XH.

+ Đặc điểm dân cư – xã hội. Đánh giá thuận lợi và khó khăn.